

# Mục đích, khái niệm, vai trò và ý nghĩa của bảng cân đối kế toán

Mục đích của Bảng cân đối kế toán

Hội đồng Chuẩn mực Kế toán quốc tế IASC đã đưa ra "*những quy định chung về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính*" năm 1998. ví dụ như: *Đưa ra các khái niệm* làm cơ sở cho việc lập và trình bày các báo cáo tài chính cho các đối tượng sử dụng bên ngoài; hoặc *hướng dẫn* việc lập tiêu chuẩn kế toán cho quá trình xây dựng các chuẩn mực và *trợ giúp* những người lập báo cáo...

Việc áp dụng những chuẩn mực kế toán được quốc tế chấp nhận như là một biện pháp cần thiết tạo tính minh bạch và giải thích đúng đắn các báo cáo tài chính.

Bảng cân đối kế toán không nằm ngoài những chuẩn mực quốc tế, nên nó cũng thể hiện tính minh bạch trong các báo cáo tài chính. Đây chính là *mục đích* của các báo cáo tài chính nói chung của các doanh nghiệp hay là mục đích của Bảng cân đối kế toán nói riêng. Tính minh bạch của Bảng cân đối kế toán được đảm bảo thông qua việc công bố đầy đủ và có thuyết minh rõ ràng về những thông tin hữu ích, cần thiết cho việc ra quyết định kinh tế của nhiều đối tượng sử dụng.

Khái niệm bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán là báo cáo tài chính tổng thể, là bảng tổng hợp - cân đối tổng thể phản ánh tổng hợp tình hình vốn kinh doanh của đơn vị cả về tài sản và nguồn vốn hiện có của đơn vị ở một thời điểm nhất định. Thời điểm quy định là ngày cuối cùng của một kỳ báo cáo.

Thực chất của bảng cân đối kế toán là bảng cân đối giữa tài sản và nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp cuối kỳ hạch toán. Số liệu trên Bảng cân đối kế toán cho biết toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp theo cơ cấu tài sản, nguồn vốn, và cơ cấu nguồn vốn hình thành các tài sản đó. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán, ta có thể nhận xét, đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Đó là khái niệm về Bảng cân đối kế toán của Việt nam, và không nằm ngoài những chuẩn mực kế toán quốc tế ( xem: Các sự kiện xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán IAS 10 - Các chuẩn mực kế toán quốc tế)

### Vai trò của bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán có một vai trò quan trọng, bởi nó là tài liệu để nghiên cứu, đánh giá tổng quát tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ sử dụng vốn ở một thời điểm nhất định. Thời điểm quy định là ngày cuối cùng của kỳ báo cáo. Đồng thời bảng cân đối kế toán còn thể hiện triển vọng kinh tế tài chính của đơn vị.

### Ý nghĩa của bảng cân đối kế toán

Thông qua bảng cân đối kế toán, ta có thể xem xét quan hệ cân đối từng bộ phận vốn và nguồn vốn, cũng như các mối quan hệ khác. Và thông qua việc

ngiên cứu các mối quan hệ đó giúp cho người quản lý thấy rõ tình hình huy động nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vay nợ để mua sắm từng loại tài sản, hoặc quan hệ giữa công nợ khả năng thanh toán, kiểm tra các quá trình hoạt động, kiểm tra tình hình chấp hành kế hoạch... Từ đó phát hiện được tình trạng mất cân đối, và có phương hướng và biện pháp kịp thời đảm bảo các mối quan hệ cân đối vốn cho hoạt động tài chính thực sự trở nên có hiệu quả, tiết kiệm và có lợi cho doanh nghiệp.

## Nguyên tắc, cơ sở số liệu của việc lập bảng cân đối kế toán

### **Nguyên tắc**

Bảng cân đối kế toán được lập phải dựa trên nguyên tắc: phù hợp với những tiêu chuẩn đã được quy định, thống nhất về nội dung, kết cấu, thời hạn lập và nộp ...

Bảng cân đối kế toán phải phản ánh được những cân đối tất yếu giữa hai mặt của vốn với nguồn; của thu với chi và kết quả lỗ, lãi; của công nợ và khả năng thanh toán...

Bảng cân đối kế toán phải thể hiện được tính minh bạch trong các báo cáo tài chính.

Thông thường các Bảng cân đối kế toán có kết cấu 1 bên, đôi lúc lại có kết cấu 2 bên.

### **Cơ sở số liệu**

Cơ sở số liệu để lập Bảng cân đối kế toán:

- Căn cứ vào các sổ kế toán tổng hợp và chi tiết
- Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán kỳ trước

Số liệu của các tài sản được nghi và sắp xếp trong Bảng cân đối kế toán theo tính luân chuyển của chúng. Còn số liệu của bên Nguồn vốn thì thể hiện các nguồn vốn mà đơn vị sử dụng trong kỳ kinh doanh, thể hiện tình hình tài

chính của doanh nghiệp , đồng thời thể hiện trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp đối với Nhà nước , đối với ngân hàng, với khách hàng, và cán bộ trong doanh nghiệp về tài sản mà doanh nghiệp đang sử dụng